

1/2 A. Sany, 60%

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2014/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

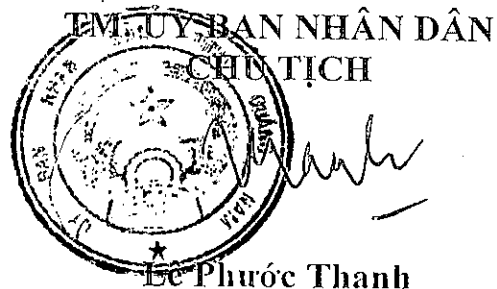
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KT VB QPPL);
- TT TƯ, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, HCTC, THCB, NC.





QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số *AS*/2014/QĐ-UBND
ngày *31* tháng *12* năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định thủ tục hồ sơ khen thưởng, thời gian xét khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua và được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; việc xử lý các trường hợp vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Việc tổ chức hội thi, hội diễn và khen thưởng đạt thành tích cao tại các hội thi, hội thao, hội diễn; tặng thưởng danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Quảng Nam; khen thưởng phong trào thi đua “Xây dựng nông thôn mới” và tặng Huy hiệu tỉnh Quảng Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể, cá nhân các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương); nhân dân trong và ngoài tỉnh.

2. Người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho

một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất; chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

- Đối với cá nhân là Thủ trưởng (Giám đốc) các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư Huyện ủy (Thành ủy), Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc (Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị) các doanh nghiệp chỉ trình khen thưởng cấp Nhà nước khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm trình khen thưởng hoặc năm trước liền kề đạt được các danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên.

- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp không xem xét tặng các danh hiệu thi đua cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc nếu tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương đó không đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và không đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh" trở lên khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương do cá nhân đó lãnh đạo không đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

3. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình công hiến được giảm 03 năm so với quy định chung. Các chức vụ được xét khen thưởng, gồm: Bí thư, Phó Bí thư, Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; Thủ trưởng Sở, Ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm xem xét, lựa chọn, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

5. Khen thưởng phải đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; khen chuyên đề, khen đột xuất không nhất thiết phải khen theo trình tự từ thấp đến cao; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

6. Trong một năm, mỗi tập thể hoặc cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen (kể cả thành tích kinh tế - xã hội hoặc chuyên đề); trừ khen thưởng đột xuất.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

Việc bình xét các danh hiệu thi đua của cá nhân phải có sự đánh giá, so sánh cụ thể giữa các lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương; giữa lãnh đạo cấp phòng và tương đương; giữa chuyên viên, nhân viên.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua cho Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ để theo dõi.

Điều 6. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, phạm vi, đối tượng, thời gian thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị; đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng quy định pháp luật.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua, đăng ký và ký kết giao ước thi đua trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua; triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động, chỉ đạo đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra phong trào thi đua. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chú trọng công tác chỉ đạo điềm và nâng cao trách nhiệm, vai trò người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm tốt, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; xét chọn, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tổ chức tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Chính quyền phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cùng cấp tổ chức phát động thi đua, tuyên truyền mục đích ý nghĩa phong trào thi đua và vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng, xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với phong trào thi đua; kiến nghị đổi mới về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến” (đối với công an xã, dân quân xã, bảo vệ dân phố).

2. Đối với tập thể: “Cờ thi đua của Chính phủ”; “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”; “Tập thể lao động tiên tiến”; “Đơn vị tiên tiến”; Thôn (Khu phố, làng, bản...) văn hoá.

3. Đối với hộ gia đình: “Gia đình văn hoá”.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương; tiêu chuẩn cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Gia đình phải đạt danh hiệu “Gia đình văn hoá”.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội.

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

c) Gia đình phải đạt danh hiệu “Gia đình văn hoá”.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

4. Thời gian, điều kiện công tác để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”:

a) Cá nhân có thời gian công tác liên tục từ 10 tháng trở lên.

b) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

d) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

đ) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị, địa phương mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị, địa phương điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

e) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục

vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, đơn vị, địa phương công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và có ít nhất 01 sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng đối với tỉnh và được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xét công nhận.

2. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu: ngoài quy định tại khoản 1 điều này, thì đơn vị nơi công tác phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu: ngoài quy định tại khoản 1 điều này, thì đơn vị nơi công tác phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét công nhận.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị phong tặng sau năm liền kề năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai. Trường hợp không được các cấp thống nhất đề nghị thì năm sau không xem xét lại.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho các tập thể: Phòng, ban và tương đương thuộc Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các đơn vị trường học, bệnh viện và tương đương, các khoa, phòng, ban chuyên môn trực thuộc; doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các

đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng; phòng, ban và tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao trong năm.
b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; Tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổ chức đoàn thể trong đơn vị đạt khá trở lên.

đ) Đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

2. Danh hiệu “Đơn vị Tiên tiến” được xét tặng hằng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng hằng năm vào dịp tổng kết năm cho các tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, đạt được các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

c) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Tổ chức Đảng (nếu có) đạt trong sạch vững mạnh, các đoàn thể vững mạnh, cơ quan được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa.

đ) Đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

2. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng hằng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

3. Số lượng các tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” không quá 50% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ dẫn đầu thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. “Cờ dẫn đầu thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu phong trào thi đua của từng Khối, Cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức.

2. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho:

a) Đơn vị hành chính - sự nghiệp, doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp thuộc Khối thi đua của tỉnh) và phòng, ban chuyên môn cấp huyện dẫn đầu phong trào thi đua trong Khối, Cụm thi đua do Sở, ban, ngành, tỉnh tổ chức.

b) Cơ quan công tác Đảng, Mặt trận, hội đoàn thể cấp huyện dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm thi đua do các cơ quan Đảng, Mặt trận, hội đoàn thể cấp tỉnh tổ chức.

c) Hợp tác xã dẫn đầu phong trào thi đua của Khối thi đua do Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức.

d) Trường dẫn đầu phong trào thi đua các cấp học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh.

đ) Doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua của mỗi huyện, thành phố thuộc tỉnh.

3. Tập thể được xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, đạt các tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh.

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập.

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

d) Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt danh hiệu “Vững mạnh xuất sắc”; đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bỏ phiếu suy tôn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ khen thưởng, số lượng không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Danh hiệu “Gia đình văn hóa” và Danh hiệu Thôn (Khu phố, Làng...) văn hoá

Việc tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương được thực hiện theo quy định tại các Điều 29 và Điều 30 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 18. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 42, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013. Cụ thể:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua (theo chuyên đề, theo đợt thi đua) thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, chương trình mục tiêu, Chỉ thị, Nghị quyết, một lĩnh vực công tác hoặc tổng kết chuyên đề hằng năm.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó khen thưởng khi tổng kết chuyên đề hằng năm.

b) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất; dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt; đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

c) Cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội hoặc lĩnh vực khác.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, giá trị đóng góp do địa phương quy định.

Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; Thủ trưởng đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị đó phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường; đồng thời đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, khen thưởng năm 2013. Cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện từ 02 năm trở lên hoặc tổng kết ngành từ 05 năm trở lên. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ, tổng kết chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số cá nhân trực tiếp thực hiện; số lượng khen thưởng tối đa không quá 10 cá nhân (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Không khen thưởng thành tích thực hiện chuyên đề, đột xuất đối với các đồng chí là lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương cấp tỉnh, lãnh đạo huyện, thành phố thuộc tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chức danh tương đương) khi tham gia các Ban chỉ đạo hội thi, hội diễn, chương trình, dự án, chuyên đề, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, thì được xem xét khen thưởng về thành tích cả năm và kết thúc nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc tiêu biểu trong số những cá nhân được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng, trong thời gian đó có 03 lần được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương cấp tỉnh. Tỷ lệ đề nghị không quá 5% trong tổng số cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị (không tính các đơn vị hành chính-sự nghiệp trực thuộc cơ quan, đơn vị có đăng ký thi đua theo cụm, khối).

c) Cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động, có thành tích xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Nam.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, khen thưởng năm 2013. Cụ thể:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã, địa bàn cấp xã.

b) Công nhân có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có từ 01 sáng kiến trở lên được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận, áp dụng mang lại hiệu quả cho đơn vị và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”; đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị đó phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường; đồng thời đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013. Cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc được cụm, khối thi đua bình xét trong phong trào thi đua hàng năm (Bằng khen xếp thứ nhì cụm, khối thi đua).

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện từ 02 năm trở lên hoặc tổng kết ngành từ 05 năm trở lên. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ, tổng kết chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số trực tiếp thực hiện; số lượng khen thưởng tối đa không quá 05 tập thể (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Tập thể 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc tiêu biểu trong số những tập thể được tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng và trong thời gian đó có 03 lần được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương thuộc tỉnh. Tỷ lệ đề nghị không quá 20% tổng số các đơn vị thuộc cơ quan (không tính các đơn vị hành chính - sự nghiệp trực thuộc cơ quan có đăng ký thi đua theo cụm, khối).

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cấp huyện, cấp tỉnh tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát

động, có thành tích xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Nam.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn, trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCSHCM cấp xã có thành tích xuất sắc tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp huyện, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc đoàn thể cấp huyện bình chọn hằng năm.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho xã, phường, thị trấn xuất sắc (Bằng khen xếp thứ nhì phong trào thi đua của huyện, thành phố); thôn (khu phố, làng) văn hoá; cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn văn hoá; gia đình văn hoá xuất sắc tiêu biểu.

8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh, đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Quảng Nam trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội hoặc lĩnh vực khác. Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo, từ thiện; các doanh nghiệp tích cực tham gia và có nhiều đóng góp cho sự thành công tại các hội chợ, trong các hoạt động xúc tiến thương mại.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị, cụ thể:

a) Gia đình thuộc các xã miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, bãi ngang, hải đảo có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

b) Gia đình thuộc các xã vùng trung du, đồng bằng, thị trấn thuộc huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Nông Sơn, Hiệp Đức, Phú Ninh có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

c) Gia đình không thuộc điểm a, b nêu trên có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.

Điều 21. Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương

Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, Ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ

Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

b) Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành phần và số lượng thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; trong đó, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Đối với các huyện, thành phố, Lãnh đạo Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Chủ tịch còn lại và thành viên do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật; có nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu, giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phong trào thi đua theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 23. Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp

Hội đồng Khoa học, sáng kiến là tổ chức tư vấn tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương về các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác, năng suất lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh của tỉnh. Xét công

nhận sáng kiến hoặc giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thẩm định và công nhận sáng kiến. Hội đồng sáng kiến hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

1. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh

a) Hội đồng sáng kiến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; có nhiệm vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh, xét và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với tỉnh để làm cơ sở đề nghị cấp tỉnh, cấp Nhà nước công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua theo quy định.

b) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm có Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng (trong đó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là 01 Phó Chủ tịch Thường trực, Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch) và các Ủy viên. Cơ quan Thường trực Hội đồng là Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có thẩm quyền công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở quyết định thành lập; có nhiệm vụ tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với cơ sở, các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định trên cơ sở phù hợp tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật.

b) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng; thành phần, số lượng thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch và thành viên là những người có trình độ chuyên môn trên các lĩnh vực; trường hợp cần thiết, mời người có chuyên môn cao có liên quan đến nội dung sáng kiến đề tư vấn cho Hội đồng xét sáng kiến.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ, HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đề nghị:

a) Các hình thức khen thưởng: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (trừ Huân chương Độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sỹ), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân";

b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên cho cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng: “Cờ dẫn đầu thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Huy hiệu tỉnh Quảng Nam; Bằng công nhận; Thư khen...

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng, hình thức khen thưởng kháng chiến thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định.

Ủy quyền Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xem xét hiệp y (Cờ thi đua, Bằng khen) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ thẩm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp đề nghị khen thưởng: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của Sở, Ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể đơn vị, địa phương; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”; danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Huân chương, Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích kháng chiến.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ thẩm tra hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét các trường hợp đề nghị khen thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Huân chương các loại, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ dẫn đầu thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua của tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng đơn vị xếp thứ nhì Cụm, Khối thi đua của tỉnh. Khi cần thiết phải lấy ý kiến hoặc hiệp y của đơn vị, địa phương liên quan.

Đối với các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của các địa phương khi đề nghị khen cao, Ban Thi đua-Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

5. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của các cá nhân đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ lập tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

6. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm; tặng thưởng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Thủ trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”,

“Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các hình thức khen thưởng khác theo thẩm quyền được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của tỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm; tặng thưởng Giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; danh hiệu “Thôn, (làng, khu phố) văn hoá” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng “Giấy khen”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hoá” và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định và đề nghị cấp trên khen thưởng.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm; tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

10. Người đứng đầu các tổ chức hội: chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm; tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen và đề nghị cấp trên khen thưởng.

11. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền trước khi Thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Quy định về tuyển trình

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý.

Sở, Ban, ngành của tỉnh đề nghị khen thưởng thành tích hằng năm (“Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các phòng, ban và Trường phòng, ban cấp huyện, thành phố (nếu có tổ chức Cụm thi đua) phải có hiệp y, thống nhất của cấp huyện và các Sở, Ban, ngành có liên quan, không đề nghị khen thưởng trùng lặp.

2. Việc khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách, Đại biểu Hội đồng nhân dân và tập thể Hội đồng nhân dân các cấp:

a) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách.

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện chuyên trách.

c) Các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kiêm nhiệm thì do cơ quan, đơn vị quản lý xét, trình khen thưởng.

3. Các trường hợp tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng là

chính hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp to lớn mới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Sở, Ban, ngành, địa phương nào được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề, ngành đó, địa phương đó chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng để hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp có thành tích thật sự tiêu biểu trong toàn tỉnh và phải được thông qua Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

6. Việc lấy ý kiến hiệp ý đề nghị khen thưởng của các ngành tỉnh đối với các trường hợp khen thưởng các phòng, ban và cấp trưởng phòng, ban của huyện, thành phố và các cơ quan khác có liên quan do Ban Thi đua - Khen thưởng thực hiện. Khi có văn bản gửi đến để lấy ý kiến hiệp ý, sau 05 ngày làm việc (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận công văn) các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời, trường hợp không có ý kiến trả lời giao Ban Thi đua - Khen thưởng xử lý và có trách nhiệm trả lời cho đơn vị đề nghị khen thưởng.

7. Tập thể, cá nhân công tác ở công đoàn ngành, công đoàn viên chức tỉnh, công đoàn các khu công nghiệp, Liên đoàn Lao động huyện, thành phố đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Liên đoàn Lao động tỉnh xét khen thưởng, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình cấp trên khen thưởng.

8. Đối với tập thể, cá nhân các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh đã cổ phần hoá, chuyển thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần giao cho các Sở, Ban, ngành và tương đương quản lý chuyên ngành xét trình cấp trên khen thưởng.

9. Đối với tập thể, cá nhân các doanh nghiệp thuộc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế mở, khu chế xuất do Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế mở, khu chế xuất xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng; Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn huyện, thành phố nào thì địa phương đó xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng (trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 8, Điều này và các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty, tập đoàn kinh tế Trung ương quản lý).

Điều 26. Thời gian trình khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hằng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15/3 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành giáo dục - đào tạo trước ngày 10/8 hằng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 03 ngày. Riêng hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu "Chiến

sĩ thi đua cấp tỉnh” gửi trước ngày 28/02 năm sau và trước ngày 10/7 hằng năm (đối với ngành giáo dục và đào tạo).

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hằng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30/01 năm sau; khen thưởng công tác đền ơn đáp nghĩa, khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc trước ngày 15/6 hằng năm; khen thưởng năm học ngành giáo dục - đào tạo trước ngày 15/8 hằng năm.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm xử lý hồ sơ đề nghị khen thưởng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng, viết bằng, giấy chứng nhận trong phạm vi không quá 05 ngày làm việc, trường hợp có lấy ý kiến hiệp ý của các cơ quan liên quan không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải thông báo, trả lại cho đơn vị trình khen thưởng trước 03 ngày.

Điều 27. Hồ sơ thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo các quy định từ Điều 53 đến Điều 65 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng trình Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm có:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương: Các trường hợp đề nghị tặng “Cờ dẫn đầu thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, đề nghị mỗi hình thức, danh hiệu một tờ trình, số lượng 02 bản.

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng kèm theo Tờ trình.

Nội dung biên bản phải thể hiện rõ kết quả bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp.

Trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sỹ thi đua toàn quốc phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên; các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên.

c) Báo cáo thành tích của đối tượng đề nghị khen thưởng (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ), số lượng cụ thể như sau:

- “Anh hùng lực lượng vũ trang”, “Anh hùng lao động”: Báo cáo thành tích gồm 04 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình và 20 bản photocopy;

- Danh hiệu “Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”: Báo cáo thành tích gồm 04 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình;

- Huân chương các loại, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”: Báo cáo thành tích gồm 04 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình (riêng trường hợp Thủ trưởng đơn vị, đơn vị là cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh thì báo cáo thành tích gồm 05 bản chính).

- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, “Cờ thi đua Chính phủ”: Báo cáo thành tích gồm 03 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình (riêng trường hợp thủ trưởng đơn vị, đơn vị là cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh thì báo cáo thành tích gồm 04 bản chính).

- “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: Báo cáo thành tích gồm 02 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình.

Các trường hợp quy định nêu trên đồng thời với việc gửi báo cáo thành tích bằng văn bản phải gửi Email về Ban Thi đua - Khen thưởng; Đối với Thủ trưởng đơn vị, đơn vị thuộc các loại hình doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

- Danh hiệu “Cờ dẫn đầu thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Báo cáo thành tích gồm 02 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

d) Hồ sơ, thủ tục đơn giản:

- Hồ sơ, thủ tục đơn giản áp dụng trong các trường hợp khen thưởng đối ngoại, đột xuất, khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị (theo chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh) hoặc khen thưởng tập thể, cá nhân là ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân... có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất.

- Tờ trình, báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, địa phương quản lý trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm về nội dung thành tích trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên.

đ) Đơn vị đề nghị khen chuyên đề của tỉnh phải lấy ý kiến của đơn vị, địa phương liên quan đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Điều 28. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi thức tổ chức lễ trao tặng và đón nhận, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp được khen thưởng phải được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp gồm tập thể, cá nhân được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận tập thể trước sau đó đến cá nhân chung một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ trao tặng Huân chương quá trình cống hiến các loại cho các đồng chí giữ các chức vụ từ Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trở lên. Các đối tượng, các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị,

địa phương đề nghị khen thưởng tổ chức lễ trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 29. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố, cấp xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thực hiện theo Chương V Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 30. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Phân cấp quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ quản lý.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, thành phố do Phòng Nội vụ huyện, thành phố quản lý.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý.

2. Trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh

Hằng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách tỉnh. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% chi thường xuyên ngân sách tỉnh.

b) Mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng huyện, thành phố

Hằng năm, Phòng Nội vụ huyện, thành phố phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách huyện, thành phố. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% (riêng đối với các huyện miền núi mức trích tối đa 1,5%) chi thường xuyên ngân sách của cấp mình.

Căn cứ tình hình thi đua, công tác khen thưởng năm trước và dự kiến kế hoạch, Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp (đơn vị dự toán) được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hằng năm của đơn vị với mức tối đa 2% so với tổng quỹ lương trong biên chế được giao của đơn vị và các nguồn thu hợp pháp khác.

d) Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức và khả năng nguồn ngân sách của tỉnh, Sở Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp khác của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, các nguồn thu hợp pháp khác.

đ) Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp; quỹ thi đua khen thưởng của các doanh nghiệp; quỹ thi đua khen thưởng của Hợp tác xã thực hiện theo các Khoản 4, 5, 6, 7 Điều 67 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Việc lập dự toán, quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi

a) Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng.

b) Chi nghiệp vụ gồm: in giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen; viết bằng, làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, gồm:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng thi đua, khen thưởng.

- Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

- Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng.

- Chi cho cán bộ đi công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

4. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” do cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

6. Khen thưởng đối ngoại; khen thưởng thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; khen thưởng các doanh nghiệp tham gia hội thi, hội chợ (hoặc hình thức tương đương) không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

7. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án đó.

Điều 31. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 và 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Tiền thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng thưởng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của Khối, Cụm thi đua do Sở, ban, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh và huyện, thành phố tổ chức bằng 0,5 lần mức thưởng quy định.

3. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm thực hiện theo quy định, trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải tại các hội thi, hội diễn và trong phong trào “Xây dựng nông thôn mới” thực hiện tại Quyết định và quy chế riêng.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; TƯỚCC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng và các cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng; khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

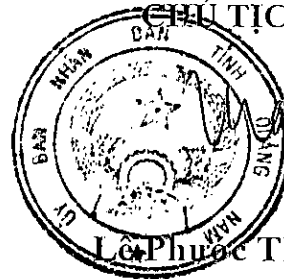
Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Ngoài các Quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các quy định trong Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này, Ban Thi đua - Khen thưởng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát, thực hiện Quy chế. / *Tylo*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Phước Thanh

